

MỘT SỐ NHẬN ĐỊNH VỀ THÀNH TỰU, KHÓ KHĂN VÀ ĐỊNH HƯỚNG KHẮC PHỤC SAU 5 NĂM TRIỂN KHAI CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC PHỔ THÔNG 2018

Lê Thị Thanh Sang

Trường Đại học Đồng Tháp

Email: sang.lethithanh@gmail.com.

Tóm tắt: Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 (CTGDPT 2018) đánh dấu bước ngoặt quan trọng trong công cuộc đổi mới giáo dục Việt Nam, chuyển từ tiếp cận nội dung sang phát triển phẩm chất và năng lực người học. Sau 5 năm triển khai, chương trình đạt được nhiều thành tựu như: tăng quyền tự chủ cho nhà trường, đẩy mạnh dạy học tích hợp, định hướng nghề nghiệp rõ ràng và ban hành kịp thời hệ thống văn bản pháp lý. Tuy nhiên, vẫn còn tồn tại các khó khăn như năng lực giáo viên chưa đồng đều, cơ sở vật chất hạn chế, bất cập trong kiểm tra đánh giá và áp lực triển khai chương trình phân hóa ở bậc Trung học Phổ thông. Bài viết phân tích thực trạng, chỉ ra những thách thức chủ yếu và đề xuất các giải pháp trọng tâm: (1) bồi dưỡng giáo viên theo hướng thực hành; (2) đầu tư cơ sở vật chất hợp lý; (3) chuẩn hóa công cụ đánh giá năng lực học sinh; và (4) xây dựng lộ trình tự chọn linh hoạt, phù hợp với thực tiễn. Các giải pháp này nhằm nâng cao hiệu quả và đảm bảo tính bền vững trong việc thực hiện CTGDPT 2018 giai đoạn tới.

Từ khóa: Chương trình giáo dục phổ thông 2018, thành tựu, khó khăn, giải pháp.

Nhận bài: 21/01/2026; Biên tập: 22/01/2026; Phản biện: 26/01/2026; Duyệt đăng: 02/02/2026.

1. Đặt vấn đề

Trong bối cảnh toàn cầu hóa sâu rộng và tác động mạnh mẽ của Cách mạng công nghiệp 4.0, giáo dục Việt Nam cần đổi mới toàn diện để đáp ứng các tiêu chuẩn phát triển quốc tế. Việc chuyển từ mô hình giáo dục truyền thụ kiến thức sang mô hình định hướng phát triển phẩm chất và năng lực người học là xu thế tất yếu, phù hợp với định hướng về phát triển năng lực cốt lõi cho giáo dục thế kỷ XXI. CTGDPT 2018 ra đời trong bối cảnh đó như một cuộc cải cách căn bản và toàn diện của hệ thống giáo dục Việt Nam.

Kể từ năm học 2020 - 2021, CTGDPT 2018 được triển khai theo lộ trình bắt đầu từ lớp 1 và mở rộng dần lên các cấp học. Sau 5 năm thực hiện, chương trình đã mang lại những chuyển biến tích cực: tăng cường quyền tự chủ cho cơ sở giáo dục, thúc đẩy dạy học tích hợp và định hướng nghề nghiệp, đồng thời hoàn thiện khung pháp lý cho việc tổ chức và đánh giá chương trình. Song song với những kết quả này, quá trình triển khai cũng bộc lộ một số hạn chế rõ rệt: năng lực đội ngũ giáo viên (GV) chưa đồng đều giữa các vùng miền, cơ sở vật chất còn thiếu ở nhiều địa phương, đổi mới kiểm tra đánh giá còn lúng túng và mô hình phân hóa, tự chọn ở bậc trung học phổ thông chưa đạt hiệu quả như kỳ vọng. Nếu không sớm được khắc phục, những tồn tại này sẽ ảnh hưởng đến chất lượng và tính bền vững của chương trình. Vì vậy, việc đánh giá toàn diện sau 5 năm triển khai CTGDPT 2018 là hết sức cần thiết. Kết quả đánh giá sẽ giúp làm sáng rõ thành tựu lẫn tồn tại trong quá trình thực hiện, đồng thời làm cơ sở khoa học để điều chỉnh chính sách, thiết kế chương trình đào tạo, bồi dưỡng GV, đầu tư cơ sở vật chất và định hướng phát triển giáo dục trong giai đoạn tới.

Bài viết này nhằm đạt ba mục tiêu chính: (1) phân tích những thành tựu nổi bật sau 5 năm triển khai CTGDPT 2018; (2) làm rõ các khó khăn, vướng mắc tồn tại ở các cấp học và vùng miền; (3) đề xuất các giải pháp trọng tâm nhằm nâng cao hiệu quả và tính bền vững trong triển khai CTGDPT 2018. Kết quả nghiên cứu kỳ vọng cung cấp một cái nhìn tổng quan, khoa học và thực tiễn về quá trình triển khai, qua đó góp phần định hướng quản lý giáo dục, phát triển đội ngũ nhà giáo và hoàn thiện chính sách giáo dục phổ thông ở Việt Nam.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Cơ sở lý thuyết và tổng quan nghiên cứu

2.1.1. Cơ sở lý thuyết của Chương trình Giáo dục phổ thông 2018

CTGDPT 2018 được xây dựng dựa trên quan điểm giáo dục phát triển năng lực một xu hướng giáo dục hiện đại được nhiều quốc gia áp dụng từ đầu thế kỷ XXI. Theo định hướng này, học sinh (HS) không chỉ được đánh giá dựa trên lượng kiến thức tiếp thu mà còn ở khả năng vận dụng kiến thức, kỹ năng, thái độ vào giải quyết các vấn đề thực tiễn. Mục tiêu của giáo dục không dừng ở việc “dạy cho HS biết”, mà là “dạy cho HS làm được”, phát triển toàn diện phẩm chất, năng lực và kỹ năng sống. CTGDPT 2018 cụ thể hóa mục tiêu này thông qua việc xác định phẩm chất chủ yếu (yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm) và năng lực cốt lõi (tự chủ, giao tiếp, hợp tác, giải quyết vấn đề, tư duy sáng tạo). Đây là sự tiếp nối và phát triển từ quan điểm của UNESCO (2015) về bốn trụ cột của giáo dục thế kỷ XXI: Học để biết - Học để làm - Học để cùng chung sống - Học để tự khẳng định mình.

Ngoài ra, CTGDPT 2018 được thiết kế theo

nguyên tắc “mở - linh hoạt - tích hợp”, tạo điều kiện cho các cơ sở giáo dục chủ động điều chỉnh nội dung và phương pháp dạy học phù hợp với điều kiện thực tiễn địa phương và nhu cầu người học. Cách tiếp cận này phù hợp với xu hướng giáo dục hiện đại trên thế giới, nhấn mạnh vai trò tự chủ của nhà trường và phát triển năng lực người học trong bối cảnh đổi mới giáo dục.

2.1.2. Tổng quan các nghiên cứu trong và ngoài nước

Trong giai đoạn 2018 - 2023, nhiều nghiên cứu và báo cáo đã phân tích quá trình triển khai CTGDPT 2018 trên các phương diện quản lý giáo dục, bồi dưỡng GV, cơ sở vật chất và đổi mới kiểm tra đánh giá. Ở Việt Nam, Bộ Giáo dục và Đào tạo (GD&ĐT) (2023) nhấn mạnh rằng CTGDPT 2018 đánh dấu bước chuyển từ mô hình “học thuộc lòng” sang “học để phát triển năng lực”, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục phổ thông. Tuy nhiên, các báo cáo thực tiễn cũng cho thấy còn tồn tại nhiều khó khăn trong quá trình tổ chức thực hiện. Đáng chú ý, báo cáo khảo sát của Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam (2023) chỉ ra rằng sự thiếu đồng bộ trong quản lý, khoảng cách vùng miền về điều kiện cơ sở vật chất và năng lực đội ngũ GV chưa tương thích với yêu cầu đổi mới là những thách thức lớn cần được giải quyết. Nhiều nghiên cứu thực địa cũng cho thấy GV gặp khó khăn khi triển khai dạy học tích hợp và đánh giá năng lực, chủ yếu do hạn chế trong bồi dưỡng chuyên môn và hướng dẫn thực hành. Một số tác giả trong nước cho rằng để chương trình đạt hiệu quả, cần tăng cường hỗ trợ về thiết kế bài dạy, tài liệu minh họa và công cụ đánh giá.

Ở phạm vi quốc tế, các phân tích của OECD (2018) cho thấy việc chuyển sang mô hình giáo dục định hướng năng lực chỉ đạt hiệu quả khi đổi mới chương trình đi kèm với thay đổi đồng bộ về phương pháp dạy học, hệ thống đánh giá và chính sách phát triển năng lực GV. Kinh nghiệm này gợi mở đối với Việt Nam rằng đổi mới chương trình cần đi liền với tăng cường bồi dưỡng thường xuyên cho GV, chuẩn hóa công cụ đánh giá và đảm bảo công bằng trong tiếp cận điều kiện học tập giữa các địa phương.

2.1.3. Khoảng trống nghiên cứu và định hướng của bài viết

Mặc dù đã có nhiều báo cáo và công trình đánh giá CTGDPT 2018, phần lớn các nghiên cứu hiện nay mới tập trung vào một số khía cạnh riêng lẻ như đào tạo GV, nội dung chương trình hay hoạt động kiểm tra đánh giá. Các báo cáo tổng kết bước đầu cho thấy sự chuyển biến tích cực trong định hướng phát triển năng lực, nhưng cũng đồng thời chỉ ra những khó khăn về nguồn lực, quản lý và triển khai chương trình trong thực tiễn. Bên cạnh đó, kết quả khảo sát thực tế tại các địa phương cho thấy sự khác biệt đáng kể giữa các vùng miền về

điều kiện cơ sở vật chất và năng lực đội ngũ GV, ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả thực hiện chương trình. Tuy nhiên, các nghiên cứu hiện tại chủ yếu tiếp cận theo từng lĩnh vực riêng biệt, chưa nhiều công trình mang tính tổng hợp và hệ thống, phân tích đồng thời “thành tựu - khó khăn - giải pháp” trong suốt giai đoạn triển khai chương trình. Trong bối cảnh giáo dục toàn cầu đang chuyển sang mô hình giáo dục phát triển năng lực đòi hỏi sự đổi mới đồng bộ về chương trình, phương pháp dạy học và đánh giá, việc nhìn nhận CTGDPT 2018 một cách toàn diện là hết sức cần thiết.

Bài viết này hướng đến bổ sung khoảng trống đó, thông qua việc tổng hợp dữ liệu từ các báo cáo chính thức và kinh nghiệm thực tiễn triển khai, nhằm cung cấp cái nhìn toàn diện, cập nhật và có cơ sở thực chứng về quá trình thực hiện CTGDPT 2018. Trên cơ sở đó, bài viết đề xuất các giải pháp khả thi giúp nâng cao hiệu quả chương trình trong thời gian tới, đặc biệt trong các lĩnh vực: bồi dưỡng GV, đầu tư cơ sở vật chất, đổi mới kiểm tra đánh giá và hoàn thiện mô hình tự chọn ở cấp Trung học Phổ thông.

2.2. Thành tựu đạt được sau 5 năm triển khai CTGDPT 2018

2.2.1. Đổi mới mục tiêu và nội dung giáo dục

Một trong những thành tựu nổi bật của CTGDPT 2018 là sự chuyển đổi căn bản từ tiếp cận nội dung sang tiếp cận phát triển phẩm chất và năng lực người học. Theo Bộ GD&ĐT (2023), chương trình đã xác định rõ bốn phẩm chất chủ yếu (yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm) và ba nhóm năng lực cốt lõi (tự chủ và tự học; giao tiếp và hợp tác; giải quyết vấn đề và sáng tạo), cùng các năng lực đặc thù như ngôn ngữ, toán học, công nghệ, tin học, thẩm mỹ và thể chất. Khung năng lực này tạo nên nền tảng thống nhất, định hướng toàn bộ hệ thống giáo dục phổ thông theo hướng hình thành con người Việt Nam phát triển toàn diện, có năng lực học tập suốt đời và thích ứng với xã hội hiện đại. Nội dung giáo dục được tinh giản, loại bỏ các kiến thức trùng lặp, hàn lâm, thiếu thực tiễn; thay vào đó là những chủ đề học tập gắn với đời sống, hướng đến việc khuyến khích HS tư duy, khám phá và vận dụng kiến thức vào thực tế. Các môn học được thiết kế theo hướng tích hợp và liên môn như Khoa học tự nhiên, Lịch sử Địa lý, Hoạt động trải nghiệm Hướng nghiệp, góp phần phát triển tư duy phản biện, khả năng liên hệ thực tiễn và giải quyết vấn đề của HS. Chương trình đồng thời mở rộng tính linh hoạt, cho phép nhà trường và GV chủ động điều chỉnh, lựa chọn nội dung, phương pháp dạy học phù hợp với đặc thù địa phương và nhu cầu người học. Nhiều chủ đề có tính ứng dụng cao như giáo dục tài chính, bảo vệ môi trường, ứng dụng công nghệ thông tin được đưa vào giảng dạy, giúp học sinh vận dụng tri thức vào cuộc sống. Bên

cạnh đó, hoạt động trải nghiệm sáng tạo trở thành thành tố bắt buộc, góp phần hình thành kỹ năng sống, làm việc nhóm, tư duy sáng tạo và sự hứng thú học tập.

Như vậy, CTGDPT 2018 đã thể hiện bước chuyển đổi rõ nét trong cách tiếp cận mục tiêu và tổ chức nội dung giáo dục, khẳng định quan điểm “lấy người học làm trung tâm” trong toàn bộ quá trình dạy học. Cách tiếp cận này phù hợp với xu hướng học tập linh hoạt, tích hợp và định hướng ứng dụng mà OECD (2018) khuyến nghị cho nền giáo dục trong kỷ nguyên đổi mới và phát triển bền vững.

2.2.2. Tăng tính chủ động cho địa phương và nhà trường

CTGDPT 2018 đánh dấu bước chuyển quan trọng từ cơ chế “tập trung - chỉ đạo” sang “phân quyền - tự chủ - trách nhiệm giải trình”. Theo Thông tư 32/2018/TT-BGD&ĐT, các cơ sở giáo dục và địa phương được trao quyền chủ động trong việc xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường, lựa chọn phương pháp và hình thức dạy học phù hợp với điều kiện cụ thể. Nhà trường có thể linh hoạt thiết kế nội dung dạy học dựa trên chương trình tổng thể, bảo đảm phù hợp với đặc điểm HS, bối cảnh văn hóa, kinh tế - xã hội của địa phương. Bên cạnh đó, các Sở GD&ĐT được giao nhiệm vụ chủ trì xây dựng nội dung giáo dục địa phương, nhằm phản ánh bản sắc văn hóa, lịch sử, địa lý và nghề truyền thống, giúp HS gắn bó với quê hương và phát triển năng lực thích ứng xã hội. Chính sách phân quyền này mở ra cơ hội thúc đẩy đổi mới, sáng tạo trong quản lý và dạy học, đồng thời tạo điều kiện hình thành và nhân rộng nhiều mô hình giáo dục đặc thù như “Trường học hạnh phúc”, “Giáo dục STEM” hay “Trường học xanh”.

Tuy nhiên, việc tăng quyền tự chủ cũng đặt ra nhiều thách thức, nhất là ở các vùng khó khăn. Không ít cán bộ quản lý và GV còn hạn chế năng lực thiết kế chương trình, thiếu tài liệu hướng dẫn cụ thể, dẫn đến tình trạng tự chủ hình thức, e ngại đổi mới hoặc triển khai thiếu hiệu quả. Do đó, cùng với việc mở rộng quyền tự chủ, cần có cơ chế giám sát, hỗ trợ và bồi dưỡng năng lực quản trị nhà trường, năng lực chuyên môn cho GV, cũng như đẩy mạnh chia sẻ kinh nghiệm giữa các địa phương để bảo đảm sự thống nhất, đồng bộ và hiệu quả trong thực hiện CTGDPT 2018.

2.2.3. Thúc đẩy dạy học tích hợp, định hướng nghề nghiệp

Một điểm đổi mới nổi bật của CTGDPT 2018 là việc đưa các môn học và hoạt động mang tính tích hợp - liên môn - hướng nghiệp vào chương trình chính khóa, như Khoa học Tự nhiên, Lịch sử - Địa lý, Hoạt động trải nghiệm - Hướng nghiệp. Sự thay đổi này thể hiện bước tiến quan trọng trong việc chuyển từ dạy học theo môn học tách biệt sang phát triển tư duy liên ngành và năng lực vận dụng thực tiễn của HS.

Thông qua các hoạt động học tập gắn với đời sống, nghề nghiệp, môi trường và cộng đồng, HS được rèn luyện các kỹ năng sống, giao tiếp, làm việc nhóm, tư duy phản biện và giải quyết vấn đề, qua đó hình thành năng lực tự học và định hướng nghề nghiệp sớm. Theo khảo sát của Bộ GD&ĐT (2023), hơn 80% cơ sở giáo dục đánh giá cao tác động tích cực của các hoạt động trải nghiệm - hướng nghiệp đối với sự phát triển năng lực và phẩm chất của HS.

Mô hình dạy học tích hợp và liên môn không chỉ giúp HS hiểu sâu bản chất kiến thức mà còn khơi dậy tư duy sáng tạo và năng lực thích ứng. Đây là những yếu tố quan trọng trong bối cảnh hội nhập và nền kinh tế tri thức. Tuy nhiên, việc triển khai thực tế vẫn gặp không ít khó khăn: đội ngũ GV chưa được đào tạo bài bản về dạy học tích hợp, tài liệu và cơ sở vật chất còn hạn chế, đặc biệt ở vùng sâu vùng xa; hoạt động hướng nghiệp ở nhiều nơi còn mang tính hình thức, thiếu sự kết nối với doanh nghiệp và thị trường lao động. Do đó, để đảm bảo hiệu quả và tính bền vững, cần tăng cường bồi dưỡng GV, phát triển học liệu và thiết bị dạy học tích hợp, đồng thời đẩy mạnh liên kết giữa nhà trường - gia đình - doanh nghiệp. Đây là điều kiện cần thiết để hoạt động dạy học tích hợp và hướng nghiệp trở thành động lực phát triển năng lực, phẩm chất và định hướng nghề nghiệp thực chất cho HS.

2.2.4. Hành lang pháp lý và chính sách hỗ trợ kịp thời

Việc ban hành Thông tư 32/2018/TT-BGD&ĐT và Công văn 5512/BGD&ĐT GDTTrH đánh dấu một bước tiến quan trọng trong quản lý nhà nước về giáo dục. Hệ thống văn bản này không chỉ tạo hành lang pháp lý rõ ràng, thống nhất cho các địa phương và cơ sở giáo dục triển khai chương trình, mà còn thể hiện tư duy quản lý hiện đại, chuyển từ cơ chế “chỉ đạo hành chính” sang “định hướng - hỗ trợ - giám sát”. Bên cạnh đó, các chính sách hỗ trợ đi kèm như biên soạn sách giáo khoa, bồi dưỡng GV, đầu tư cơ sở vật chất và tổ chức tập huấn đã được triển khai tương đối kịp thời, góp phần giúp các địa phương chủ động trong công tác chuẩn bị và thực hiện chương trình mới. Tuy nhiên, vẫn còn một số hạn chế như việc ban hành văn bản hướng dẫn còn chậm hoặc chưa đủ cụ thể, đặc biệt ở bậc trung học phổ thông, gây lúng túng trong quá trình thực hiện. Do đó, cần tiếp tục rà soát, điều chỉnh và cập nhật hệ thống văn bản pháp lý, đồng thời tăng cường công tác tập huấn, tư vấn chuyên môn và hỗ trợ kỹ thuật để đảm bảo việc triển khai CTGDPT 2018 được đồng bộ, hiệu quả và bền vững.

2.3. Những khó khăn và thách thức trong quá trình triển khai

2.3.1. Đội ngũ giáo viên chưa đồng đều về năng lực

Đội ngũ GV chưa đồng đều về năng lực là một trong những thách thức lớn trong quá trình triển khai CTGDPT 2018. Việc chuyển từ dạy học truyền

thống sang định hướng phát triển năng lực đòi hỏi GV phải có khả năng thiết kế hoạt động học tập, tổ chức lớp học tích cực và đánh giá theo năng lực HS. Tuy nhiên, nhiều GV, đặc biệt ở vùng sâu, vùng xa hoặc GV lớn tuổi, còn gặp khó khăn trong việc thích ứng với yêu cầu mới. Bên cạnh đó, hạn chế về thiết bị, tài liệu hướng dẫn, cơ hội tập huấn chuyên sâu và áp lực công việc khiến nhiều GV chưa mạnh dạn đổi mới. Do đó, cần tăng cường bồi dưỡng thường xuyên, hỗ trợ chuyên môn và xây dựng môi trường đổi mới thân thiện để GV có thể phát triển năng lực thực hành sư phạm hiệu quả.

2.3.2. Cơ sở vật chất chưa đáp ứng yêu cầu

Cơ sở vật chất và trang thiết bị dạy học chưa đáp ứng yêu cầu là một trong những rào cản lớn trong quá trình triển khai CTGDPT 2018. Báo cáo cho thấy nhiều trường học, đặc biệt tại vùng sâu, vùng xa, miền núi và hải đảo, vẫn thiếu phòng học bộ môn, phòng thí nghiệm, thiết bị công nghệ thông tin và thư viện đạt chuẩn để tổ chức dạy học tích cực và trải nghiệm sáng tạo. Ở một số địa phương, sĩ số HS/lớp cao và cơ sở vật chất xuống cấp, làm hạn chế việc tổ chức dạy học theo hướng phát triển phẩm chất và năng lực.

Tình trạng thiếu điều kiện vật chất dẫn đến nhiều hoạt động trọng tâm của chương trình như dạy học theo dự án, giáo dục STEM và hoạt động trải nghiệm được triển khai mang tính hình thức, làm giảm cơ hội tương tác và khám phá của HS. Điều này ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng phát triển năng lực toàn diện mà chương trình hướng tới. Đồng thời, khoảng cách đầu tư chưa đồng đều giữa các vùng miền làm gia tăng sự chênh lệch về cơ hội học tập và tiếp cận nguồn lực giáo dục. Do đó, cần có chiến lược đầu tư cơ sở vật chất theo hướng ưu tiên các khu vực khó khăn, kết hợp huy động nguồn lực xã hội hóa và đẩy mạnh chuyển đổi số trong học liệu. Việc xây dựng thư viện điện tử và hệ thống tài nguyên số dùng chung sẽ góp phần mở rộng cơ hội tiếp cận học tập bình đẳng cho HS trên toàn quốc.

2.3.3. Khó khăn trong công tác kiểm tra, đánh giá

Một trong những điểm đổi mới quan trọng của CTGDPT 2018 là chuyển từ đánh giá kiến thức sang đánh giá năng lực và phẩm chất của HS. Điều này đòi hỏi GV sử dụng các công cụ đánh giá đa dạng như rubrics, bảng kiểm, ma trận đề, bài tập dự án và sản phẩm học tập. Tuy nhiên, quá trình triển khai thực tế vẫn còn gặp nhiều khó khăn. Trước hết, hướng dẫn về xây dựng và vận dụng công cụ đánh giá theo định hướng phát triển năng lực chưa thật sự thống nhất và đầy đủ. Phần lớn GV phải tự thiết kế công cụ đánh giá, dẫn đến sự khác biệt về mức độ tin cậy và chất lượng giữa các trường và địa phương, đồng thời làm tăng áp lực về thời gian và kỹ năng chuyên môn. Bên cạnh đó, tâm lý của HS và phụ huynh vẫn chịu ảnh hưởng nặng từ cách

đánh giá truyền thống, coi trọng điểm số hơn quá trình học tập. Việc chuyển sang đánh giá thường xuyên, định tính hoặc qua sản phẩm học tập đôi khi gây cảm giác thiếu rõ ràng và dễ bị hiểu sai về tính công bằng. Để khắc phục vấn đề này, cần ban hành hướng dẫn cụ thể hơn về quy trình thiết kế và sử dụng công cụ đánh giá; tăng cường bồi dưỡng thực hành cho GV; đồng thời đẩy mạnh truyền thông nhằm thay đổi nhận thức của phụ huynh và HS. Một hệ thống đánh giá minh bạch, linh hoạt và có tính khả thi sẽ góp phần phản ánh đúng năng lực người học và hỗ trợ điều chỉnh hoạt động dạy học hiệu quả hơn.

2.3.4. Áp lực chương trình phân hóa, tự chọn ở cấp THPT

Một trong những điểm đổi mới nổi bật của CTGDPT 2018 cấp trung học phổ thông là việc thực hiện phân hóa và tự chọn môn học từ lớp 10, nhằm phát huy năng lực cá nhân, giúp HS định hướng nghề nghiệp từ sớm. Thay vì học tất cả các môn như chương trình cũ, HS được lựa chọn các tổ hợp môn học phù hợp với sở thích, năng lực và định hướng nghề nghiệp tương lai. Tuy nhiên, việc triển khai chủ trương này trong thực tế vẫn còn gặp nhiều khó khăn và áp lực.

Thứ nhất, nhiều trường phổ thông, đặc biệt ở khu vực nông thôn, miền núi và hải đảo, chưa đáp ứng được yêu cầu về đội ngũ GV, cơ sở vật chất và số lượng phòng học để tổ chức đầy đủ các môn học theo nguyện vọng đa dạng của học sinh. Một số môn như Âm nhạc, Mỹ thuật, Tin học, Khoa học máy tính, Giáo dục kinh tế và pháp luật... vẫn thiếu GV chuyên môn hoặc không có điều kiện giảng dạy, khiến các trường buộc phải áp đặt tổ hợp môn hoặc thu hẹp lựa chọn, làm giảm tính tự chủ và ảnh hưởng đến quyền lợi của học sinh.

Thứ hai, công tác tư vấn hướng nghiệp tại trường phổ thông còn hạn chế, thiếu tính hệ thống và thiếu thông tin cập nhật về thị trường lao động, xu hướng nghề nghiệp tương lai. Nhiều HS và phụ huynh vẫn lựa chọn môn học theo cảm tính, theo "số đông" hoặc theo định kiến về "môn chính - môn phụ", dẫn đến tình trạng chọn sai, học lệch, làm giảm động lực học tập và không gắn kết với mục tiêu nghề nghiệp sau này. Ngoài ra, GV và cán bộ quản lý cũng phải đối mặt với áp lực trong việc sắp xếp thời khóa biểu, phân công giảng dạy, tổ chức lớp học linh hoạt theo tổ hợp môn học, gây khó khăn trong công tác quản lý, đặc biệt tại những trường có quy mô nhỏ. Những yếu tố này làm giảm hiệu quả của chủ trương phân hóa và tự chọn nếu thiếu sự chuẩn bị kỹ lưỡng về nguồn lực, cơ sở vật chất và cơ chế phối hợp.

Từ thực tiễn trên, có thể thấy rằng, việc phân hóa và tự chọn môn học tuy mang tính nhân văn và tiến bộ, song chỉ có thể phát huy hiệu quả khi được đầu tư đồng bộ, bao gồm: bồi dưỡng GV, tăng cường cơ sở vật chất, xây dựng hệ thống tư

vấn hướng nghiệp khoa học, đồng thời thúc đẩy sự phối hợp chặt chẽ giữa nhà trường - phụ huynh - HS. Chỉ khi đó, lựa chọn môn học mới thực sự phù hợp với định hướng nghề nghiệp và góp phần phát triển năng lực cá nhân theo đúng tinh thần của CTGDPT 2018.

2.4. Đề xuất các giải pháp khắc phục trong thời gian tới

2.4.1. Tăng cường bồi dưỡng giáo viên theo hướng năng lực và thực hành

Để thực hiện thành công CTGDPT 2018, đội ngũ GV đóng vai trò then chốt trong việc chuyển hóa yêu cầu của chương trình vào thực tiễn dạy học. Tuy nhiên, thực tế cho thấy năng lực của GV hiện nay còn chưa đồng đều, đặc biệt trong việc thiết kế hoạt động học tập và tổ chức dạy học phát triển năng lực HS. Điều này cho thấy công tác bồi dưỡng GV cần được đổi mới cả về nội dung lẫn phương thức. Việc bồi dưỡng GV cần được thiết kế theo hướng thực tiễn, cụ thể, lấy người học làm trung tâm, thay vì tập huấn nặng về lý thuyết. Các mô hình như bồi dưỡng thường xuyên tại nơi làm việc, sinh hoạt chuyên môn theo nghiên cứu bài học, dự giờ, phân tích giờ dạy được đánh giá là hiệu quả hơn so với tập huấn ngắn hạn truyền thống. Thông qua đó, GV có cơ hội học tập ngay trong môi trường giảng dạy của mình, gắn lý thuyết với hành động sư phạm hàng ngày. Bên cạnh đó, cần xây dựng và duy trì hệ thống học liệu mở và kho chia sẻ chuyên môn, bao gồm tài liệu hướng dẫn chi tiết, video bài giảng mẫu, ngân hàng bài học và ngân hàng đề kiểm tra đánh giá theo định hướng năng lực. Việc tạo cơ hội cho GV tham gia các diễn đàn trao đổi, sinh hoạt chuyên môn liên trường và tập huấn trực tuyến sẽ góp phần thúc đẩy học tập nghề nghiệp liên tục, hình thành cộng đồng thực hành chuyên môn bền vững. Chỉ khi GV được bồi dưỡng đúng cách, được hỗ trợ học liệu và có môi trường chuyên môn tích cực, thì việc triển khai CTGDPT 2018 mới thực sự đi vào chiều sâu và đạt hiệu quả như mục tiêu đề ra.

2.4.2. Đầu tư cơ sở vật chất theo lộ trình hợp lý

Cơ sở vật chất là yếu tố then chốt để triển khai hiệu quả CTGDPT 2018, đặc biệt trong việc tổ chức dạy học tích cực, liên môn, STEM và hoạt động hướng nghiệp. Tuy nhiên, nhiều cơ sở giáo dục, nhất là ở vùng sâu, vùng xa, vẫn còn hạn chế về phòng học bộ môn, trang thiết bị thí nghiệm và hạ tầng công nghệ thông tin, gây khó khăn trong việc thực hiện các yêu cầu đổi mới. Vì vậy, cần xây dựng lộ trình đầu tư cơ sở vật chất theo hướng đồng bộ, bền vững và phù hợp với điều kiện từng địa phương. Việc phân bổ ngân sách cần có trọng tâm, ưu tiên cho các hạng mục thiết yếu như phòng học bộ môn, thư viện số, thiết bị STEM và mạng internet trường học. Đồng thời, cần phát huy mô hình xã hội hóa giáo dục, khuyến khích sự tham gia của

gia đình, doanh nghiệp và cộng đồng nhằm chia sẻ nguồn lực và nâng cao tính bền vững trong đầu tư. Bên cạnh đó, công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá hiệu quả sử dụng thiết bị dạy học cũng cần được chú trọng nhằm đảm bảo tính thực chất, tránh đầu tư hình thức hoặc lãng phí. Nếu được thực hiện bài bản và linh hoạt, việc đầu tư cơ sở vật chất sẽ là nền tảng vững chắc để triển khai đổi mới giáo dục một cách toàn diện và hiệu quả, nhất là trong phát triển năng lực HS theo đúng tinh thần của chương trình mới.

2.4.3. Chuẩn hóa công cụ đánh giá năng lực học sinh

Đổi mới kiểm tra, đánh giá là một trong những trụ cột quan trọng của CTGDPT 2018. Từ mục tiêu chuyển từ đánh giá kiến thức sang đánh giá năng lực, yêu cầu đặt ra là hệ thống công cụ đánh giá cần đảm bảo tính khoa học, khách quan, linh hoạt và phù hợp với từng môn học, từng cấp học. Tuy nhiên, hiện nay nhiều GV vẫn gặp khó khăn do thiếu hướng dẫn thống nhất, phải tự xây dựng công cụ như ma trận đề, đề kiểm tra, thang đo (rubrics)... dẫn đến thiếu đồng bộ, tăng áp lực và dễ gây sai lệch trong đánh giá. Vì vậy, Bộ GD&ĐT cần sớm ban hành bộ công cụ chuẩn hóa đánh giá năng lực HS, bao gồm: ngân hàng đề minh họa theo từng môn học, ma trận mẫu, rubrics đánh giá từng thành phần năng lực, cùng với hướng dẫn chi tiết cách vận dụng trong thực tiễn. Việc chuẩn hóa này sẽ đảm bảo tính thống nhất trong đánh giá trên phạm vi cả nước, đồng thời hỗ trợ GV giảm tải về thiết kế công cụ kiểm tra. Bên cạnh đó, việc tổ chức các khóa bồi dưỡng chuyên sâu về kiểm tra đánh giá theo năng lực là cần thiết nhằm nâng cao năng lực chuyên môn cho GV. Nội dung tập huấn cần tập trung vào: kỹ thuật ra đề mở, đánh giá qua tiến trình học tập, phân tích sản phẩm học tập và kỹ năng phản hồi giúp HS tiến bộ. Đặc biệt, hệ thống đánh giá cần kết hợp hài hòa giữa định lượng và định tính, giữa đánh giá thường xuyên và đánh giá tổng kết. Đa dạng hóa hình thức như bài tập dự án, hồ sơ học tập, báo cáo, thuyết trình, sản phẩm học tập... sẽ giúp HS có cơ hội thể hiện đầy đủ năng lực, giảm áp lực thi cử và khuyến khích tinh thần học tập tích cực. Việc chuẩn hóa công cụ đánh giá không chỉ giúp GV và nhà trường thực hiện đúng tinh thần chương trình mới, mà còn góp phần xây dựng văn hóa đánh giá tích cực, coi trọng sự tiến bộ của người học là trung tâm.

2.4.4. Xây dựng lộ trình tự chọn linh hoạt, phù hợp với thực tế

Việc triển khai các môn học lựa chọn và tổ hợp môn ở cấp Trung học Phổ thông theo CTGDPT 2018 là bước tiến quan trọng trong cá nhân hóa lộ trình học tập và gắn giáo dục phổ thông với định hướng nghề nghiệp của HS. Tuy nhiên, thực tiễn cho thấy quá trình thực hiện còn gặp nhiều lúng túng do thiếu

tư vấn hướng nghiệp sớm, hạn chế về đội ngũ và cơ sở vật chất, cũng như sự bất cập trong thiết kế tổ hợp môn. Do đó, cần tăng cường tư vấn hướng nghiệp cho HS ngay từ cuối cấp Trung học Cơ sở, giúp các em nhận diện sở thích, năng lực và xu hướng nghề nghiệp; hoạt động này cần có sự phối hợp giữa GV chủ nhiệm, GV bộ môn, chuyên viên tâm lý học đường và phụ huynh. Bên cạnh đó, các nhà trường cần được hướng dẫn xây dựng các tổ hợp môn học linh hoạt, dựa trên đội ngũ GV hiện có, điều kiện cơ sở vật chất và đặc điểm HS tại địa phương, tránh áp dụng rập khuôn. Thay vì mở đầy đủ các tổ hợp theo danh mục chung, nhà trường nên lựa chọn các tổ hợp khả thi nhưng vẫn đảm bảo quyền lựa chọn môn học của HS phù hợp với định hướng nghề nghiệp tương lai.

Một giải pháp khả thi và hiệu quả là triển khai mô hình liên kết liên trường trong cùng khu vực, đặc biệt tại các địa bàn nông thôn, miền núi, nơi nguồn lực giáo dục còn hạn chế. Việc phối hợp xây dựng thời khóa biểu chung giúp HS có cơ hội được học các môn lựa chọn tại trường liên kết, đồng thời góp phần tối ưu hóa đội ngũ GV và cơ sở vật chất, nâng cao hiệu quả tổ chức dạy học. Việc xây dựng lộ trình tự chọn linh hoạt không chỉ góp phần nâng cao hiệu quả tổ chức dạy học và chất lượng công tác hướng nghiệp, mà còn giúp giảm áp lực cho nhà trường trong bố trí nguồn lực, đồng thời tăng cường quyền tự chủ học tập của HS khi tiếp cận chương trình giáo dục mới.

3. Kết luận

CTGDPT 2018 đã tạo nên một bước ngoặt quan trọng trong hành trình đổi mới giáo dục Việt Nam, thể hiện rõ định hướng phát triển năng lực, phẩm chất người học và hội nhập với xu thế giáo dục tiên tiến trên thế giới. Sau 5 năm triển khai (2020 - 2025), chương trình đã ghi nhận những kết quả tích cực như: tăng quyền tự chủ cho nhà trường, đẩy mạnh tích hợp liên môn, tăng cường định hướng nghề nghiệp, ban hành kịp thời khung pháp lý hỗ trợ... Tuy nhiên, thực tiễn triển khai cũng cho thấy nhiều khó khăn, vướng mắc cần tiếp tục tháo gỡ, đặc biệt là sự chênh lệch về năng lực đội ngũ GV, hạn chế cơ sở vật chất, bất cập trong công tác kiểm tra, đánh giá và khó khăn trong triển khai chương trình tự chọn ở bậc Trung học Phổ thông.

Để CTGDPT 2018 thực sự phát huy hiệu quả và đi vào chiều sâu, cần có sự phối hợp đồng bộ và liên tục giữa các cấp quản lý, các cơ sở giáo dục, phụ huynh, HS và toàn xã hội. Trong đó, yếu tố con người đặc biệt là đội ngũ GV giữ vai trò then chốt, đòi hỏi phải được đầu tư bài bản cả về chuyên môn lẫn điều kiện làm việc. CTGDPT mới chỉ thực sự thành công khi người dạy vững chuyên môn, người học phát triển toàn diện và xã hội cùng đồng hành với giáo dục như một sứ mệnh chung. Đây không

chỉ là yêu cầu cấp bách trong giai đoạn hiện nay, mà còn là nền tảng cho sự phát triển bền vững của giáo dục nước nhà trong tương lai ■

Tài liệu tham khảo

- [1]. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018). *Chương trình giáo dục phổ thông tổng thể* (Ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018).
- [2]. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2020). *Công văn số 5512/BGDĐT-GDTrH ngày 18/12/2020 về việc hướng dẫn xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường*.
- [3]. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2023). *Báo cáo tổng kết 5 năm thực hiện Chương trình Giáo dục phổ thông 2018*.
- [4]. Hà Thị Thuý & cộng sự. (2022). *Thực trạng triển khai Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 môn Khoa học tự nhiên lớp Sáu năm học 2021 - 2022*. Tạp chí Khoa học Giáo dục Việt Nam, 18 (S2), 84 - 88.
- [5]. Nguyễn Minh Thuyết & cộng sự (2020). *Giới thiệu Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 - Những điểm mới và định hướng triển khai*. Nxb. Giáo dục Việt Nam.
- [6]. OECD (2018). *The Future of Education and Skills: Education 2030*. Paris: OECD Publishing
- [7]. UNESCO (2015). *Rethinking education: Towards a global common good?* UNESCO Publishing.
- [8]. UNESCO (2022). *Hỗ trợ thực hiện đổi mới giáo dục phổ thông ở Việt Nam trong bối cảnh CMCN 4.0*. <https://unesco.org.vn>.

Some observations on the achievements, difficulties, and directions for improvement after 5 years of implementing the 2018 General Education Program

Le Thi Thanh Sang

Dong Thap University - Email: sang.lethithanh@gmail.com.

Abstract: The 2018 General Education Program marked an important turning point in Vietnam's educational innovation, shifting from content-based approach to developing the learners' qualities and capacities. After 5 years of implementation, the program has achieved many achievements such as: increasing autonomy for schools, promoting integrated teaching and learning, clear career orientation and timely issuance of legal documents. However, there are still difficulties such as uneven teacher capacity, limited facilities, inadequacies in assessment and assessment and pressure to implement differentiated programs at high school level. The article analyzes the current situation, points out the main challenges and proposes key solutions: (1) training teachers in a practical direction; (2) investing in reasonable facilities; (3) standardizing student assessment tools; and (4) building a flexible, practical self-selection roadmap. These solutions aim to improve efficiency and ensure sustainability in implementing the 2018 General Education Program in the coming period.

Keywords: The 2018 General Education Program, achievement, challenge, solution.